

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Đề án nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư
tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính
trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả
hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX,
nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 của Tỉnh ủy về
cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh
cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 61/TTr-
SKHĐT ngày 15 tháng 7 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tỉnh Bắc Giang
đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu như sau:

I- Quan điểm, định hướng

1. Quan điểm

Chuyển hoạt động thu hút đầu tư từ thể bị động sang chủ động, đảm bảo
định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thu hút dự án đầu tư có chọn lọc,
chú trọng đối với các dự án có công nghệ tiên tiến, quy mô lớn, có tiềm lực tài
chính, sản phẩm có tính cạnh tranh cao, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; các dự án
có đóng góp lớn cho ngân sách, các dự án an sinh xã hội; dự án có tính lan tỏa cao
trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Dự án đầu tư phải gắn với bảo vệ môi
trường sinh thái; ưu tiên các dự án sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và năng
lượng tái tạo; kiên quyết từ chối các dự án sử dụng lãng phí tài nguyên, có nguy
cơ gây ô nhiễm môi trường. Khuyến khích liên kết giữa nhà đầu tư nước ngoài,

doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước, hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành theo từng chuỗi giá trị.

2. Định hướng

Phát triển toàn diện các ngành kinh tế: Công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, trong đó công nghiệp là động lực chủ yếu, nông nghiệp làm nền tảng bảo đảm, dịch vụ làm điều kiện thúc đẩy. Phát triển đồng bộ và hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội và môi trường; đồng bộ và hài hòa giữa thành thị với nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi. Khuyến khích hình thành và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2.1. Định hướng về lĩnh vực cần thu hút đầu tư

2.1.1. Lĩnh vực công nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 09/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chiến lược phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Từ nay đến năm 2025 chuyển dần hoạt động thu hút đầu tư phát triển công nghiệp từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu. Sau năm 2025 tập trung chuyển mạnh sang chiều sâu theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng ít tài nguyên, năng lượng, thân thiện môi trường.

- *Về địa bàn, khu vực phát triển công nghiệp:* Thực hiện nhất quán chủ trương chỉ xem xét chấp thuận các dự án đầu tư sản xuất vào các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch. Ngoài khu, cụm công nghiệp chỉ xem xét chấp thuận đối với các dự án lớn có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện khó khăn (Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế), các dự án có tính chất đặc thù không thể sản xuất trong khu, cụm công nghiệp (Các dự án sản xuất vật liệu xây dựng; dự án khai thác, chế biến khoáng sản).

- *Về các sản phẩm công nghiệp ưu tiên thu hút, phát triển:* Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực tham gia hiệu quả và cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu, gồm:

+ Các dự án sản xuất, chế tạo linh kiện và thiết bị điện tử; linh kiện và thiết bị điện, trong đó ưu tiên sản xuất các sản phẩm điện tử công nghiệp, điện tử viễn thông, máy tính thương hiệu Việt Nam, điện thoại di động, linh kiện điện tử phục vụ sản xuất và xuất khẩu.

+ Các dự án cơ khí chế tạo máy móc, thiết bị và gia công kim loại, trong đó tập trung các ngành sản xuất khuôn mẫu cho công nghiệp điện, điện tử, công nghiệp ô tô; xe máy; máy động lực; máy nông nghiệp; máy móc sử dụng trong công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản.

+ Các dự án sản xuất phần mềm.

+ Các dự án trong ngành công nghiệp hóa dược, dược phẩm, công nghiệp sản xuất ứng dụng công nghệ cao như công nghệ nano, công nghệ sinh học.

+ Các dự án chế biến nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, đặc biệt là phục vụ cho vùng Thủ đô và xuất khẩu.

2.1.2. Lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ:

Phát triển đa dạng, linh hoạt và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ ở khu vực thành thị và nông thôn. Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính, viễn thông, dịch vụ logistics, dịch vụ khám chữa bệnh... Tiếp tục đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị; chợ đầu mối; hệ thống chợ nông thôn; chuỗi bán buôn, bán lẻ; các dự án đầu tư kho xăng dầu; xây dựng quần thể du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao và vui chơi giải trí; xây dựng một số khu dịch vụ, khách sạn cao cấp tại thành phố Bắc Giang.

Từ nay tới năm 2030, tập trung thu hút các dự án đầu tư khu đô thị, trung tâm thương mại, chợ đầu mối, khách sạn cao cấp, dịch vụ vui chơi giải trí; dịch vụ logistic; dịch vụ tài chính, ngân hàng, y tế, bảo hiểm tại thành phố Bắc Giang; các dự án đô thị nghỉ dưỡng tại một số địa bàn có thế mạnh (Lạng Giang, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Dũng). Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án khu du lịch: Khu du lịch Suối Mỡ (huyện Lục Nam); khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần (huyện Lục Ngạn); Khu giải trí, nghỉ dưỡng, tâm linh (Núi Nham Biền, huyện Yên Dũng).

2.1.3. Lĩnh vực nông nghiệp:

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Trong nông nghiệp xác định trồng trọt và chăn nuôi là lĩnh vực chủ đạo.

Thu hút và khuyến khích phát triển công nghiệp bảo quản, chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao nhằm nâng cao giá trị gia tăng nông, lâm, thủy sản. Đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì nhãn mác và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Đối với trồng trọt: Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp theo chiều sâu.

Đối với các dự án chăn nuôi: Thu hút đầu tư vào các địa bàn có địa hình phù hợp, không đầu tư xây dựng các trang trại, mô hình tại các khu đô thị, khu vực có mật độ dân cư cao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm.

Đối với các dự án nuôi trồng thủy sản: Chỉ xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đối với những khu vực có hiện trạng là đất mặt nước, khu vực đất trũng không có khả năng canh tác, hoặc canh tác kém hiệu quả và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch có liên quan.

Đến năm 2030, định hướng vùng nuôi trồng thủy sản với diện tích khoảng 12.700 ha với sản lượng khoảng 60 nghìn tấn. Trong đó, vùng chuyên canh thủy sản khoảng 6.500 ha, tập trung tại các huyện Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa, Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Nam.

Đối với các dự án nông nghiệp khác: Khuyến khích các dự án áp dụng công nghệ được tích hợp từ thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường thuộc Danh mục công nghệ cao ban hành kèm theo Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp. Khuyến khích những doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ theo Quyết định 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đầu tư các dự án nông nghiệp công nghệ cao vào tỉnh Bắc Giang.

2.2. Định hướng về địa bàn ưu tiên thu hút đầu tư

Để khai thác tối đa về điều kiện của từng vùng, trong thời gian tới cần định hướng thu hút các dự án đầu tư vào các địa bàn theo các vùng, cụ thể như sau:

(1) Vùng động lực: Dọc theo tuyến Quốc lộ 1 và thành phố Bắc Giang, là nơi tập trung chính để kêu gọi đầu tư cho phát triển công nghiệp, dịch vụ, bao gồm các KCN nằm trên tuyến, trung tâm logistics, dịch vụ vui chơi, giải trí, thương mại, khách sạn, tài chính ngân hàng.

(2) Vùng phía Tây: Trung tâm vùng là huyện Hiệp Hòa, vùng này tập trung phát triển sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Bên cạnh đó, với lợi thế giáp Bắc Ninh và Thái Nguyên, khu vực này sẽ được ưu tiên thu hút vốn FDI trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ cho Tập đoàn Samsung.

(3) Vùng phía Đông Bắc: Trung tâm của vùng là huyện Lục Ngạn. Đây là vùng miền núi rộng lớn, với tiềm năng phát triển các loại cây ăn quả, cây lâm nghiệp, cây dược liệu, du lịch, hướng phát triển trong thời gian tới là thu hút vốn FDI phát triển sản xuất, chế biến nông, lâm sản, các loại hình du lịch sinh thái, đô thị nghỉ dưỡng.

2.3. Đối tác ưu tiên thu hút đầu tư

2.3.1. Đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài:

Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu toàn cầu, có năng lực tài chính lớn, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ; không khuyến khích các dự án đầu tư nước ngoài không có cam kết đầu tư lâu dài tại tỉnh (các dự án nhỏ thuê lại nhà xưởng). Không cố định theo quốc gia hay đối tác nào mà tùy theo lĩnh vực và công nghệ cụ thể dựa vào sự phát triển của lĩnh vực đó trên thế giới, thế mạnh, thị phần của các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị đó để nhận định năng lực đầu tư và mở rộng kinh doanh của nhà đầu tư, khả năng bền vững, sinh lời của dự án. Không thu hút các nhà đầu tư dựa quá nhiều vào đòn bẩy tài chính, thường hứa hẹn đầu tư quy mô rất lớn nhưng việc triển khai lại phụ thuộc vào huy động vốn vay. Không thu hút các dự án đầu tư thâm dụng lao động quá lớn với công nghệ giản đơn cho thể làm xáo trộn cung - cầu lao động, ảnh hưởng tới các dự án khác.

2.3.2. Đối với đầu tư trong nước:

Ưu tiên kêu gọi các tập đoàn kinh tế lớn có tiềm lực tài chính, các doanh nghiệp thuộc Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) đầu tư các dự

án vào tỉnh trong các lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp, thương mại dịch vụ. Bên cạnh đó, khuyến khích các doanh nghiệp ngoài tỉnh thành lập doanh nghiệp mới hoặc mở chi nhánh hạch toán độc lập tại Bắc Giang để triển khai các dự án qua đó góp phần tăng thu cho ngân sách địa phương. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong tỉnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo định hướng của tỉnh, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào các cụm công nghiệp đã được thành lập. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong tỉnh liên kết với các doanh nghiệp FDI để tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất.

2.4. Định hướng yêu cầu về dự án đầu tư

Các dự án đầu tư được xem xét chấp thuận khi đáp ứng các tiêu chí sau:

- Về quy mô vốn đầu tư: Tiếp tục nghiên cứu quy định áp dụng suất vốn đầu tư tối thiểu đối với các dự án phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và các quy định của pháp luật theo hướng ưu tiên các dự án có suất đầu tư vốn lớn, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ban Quản lý KCN có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy định về suất đầu tư tối thiểu đối với từng lĩnh vực cụ thể.

- Về năng lực của nhà đầu tư: Không xem xét chấp thuận đối với các nhà đầu tư không giải trình được khả năng tài chính, không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước nếu đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Ngoài ra, ưu tiên các nhà đầu tư có kinh nghiệm triển khai hiệu quả các dự án tương tự.

- Về lao động sử dụng: Ưu tiên thu hút đầu tư sử dụng lao động hiệu quả, sử dụng lao động là người địa phương và lao động có kỹ năng nghề. Việc thẩm định dự án phải xem xét đến hiệu suất sử dụng lao động (đáp ứng yêu cầu tại bộ tiêu chí).

- Về hiệu quả kinh tế - xã hội: Các dự án được xem xét chấp thuận phải được đánh giá là có hiệu quả kinh tế - xã hội (trên các mặt: Đóng góp cho ngân sách, hiệu quả sử dụng đất).

- Về công nghệ: Các dự án phải sử dụng công nghệ tiên tiến, ít tác động xấu tới môi trường; hạn chế sử dụng công nghệ thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định pháp luật.

II- Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế của tỉnh. Từng bước nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc. Phân đầu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt bình quân 15-16%/năm (trong đó giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 14-15%/năm); thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 5.500-6.000 USD, đến năm 2030 đạt khoảng 9.800 USD; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, đến năm 2025 khu vực công nghiệp, dịch vụ chiếm khoảng 89%, đến năm 2030 chiếm khoảng 90-92%.

2. Mục tiêu cụ thể

Một số chỉ tiêu về nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 như sau:

(1) Đóng góp của các dự án đầu tư vào GRDP của tỉnh đạt từ 60-62% vào năm 2025 và đạt 66-68% vào năm 2030.

(2) Tổng vốn đầu tư của các dự án (vốn thực hiện) giai đoạn 2021-2025 đạt 246.000 tỷ đồng, chiếm 45-46% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; giai đoạn 2026-2030 đạt 613.000 tỷ đồng, chiếm 47-48% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

(3) Thu ngân sách của các dự án tăng bình quân 17%/năm, đến năm 2025 đạt 5.750 tỷ đồng, chiếm 38,3% tổng thu ngân sách trên địa bàn; năm 2030 đạt 12.600 tỷ đồng, chiếm 57,2% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh.

(4) Năng suất lao động của các dự án đầu tư tăng bình quân 9%/năm, đến năm 2025 đạt 456 triệu đồng/lao động, đến năm 2030 đạt 700 triệu đồng/lao động.

(5) Hiệu suất sử dụng đất của các dự án đầu tư tăng bình quân 6%/năm, đạt 0,8 tỷ đồng/ha vào năm 2025, đến năm 2030 đạt 1,1 tỷ đồng/ha.

(6) 100% các dự án đầu tư đều hoàn thành các thủ tục về bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động.

(7) Đến năm 2025 có 45% các dự án sử dụng công nghệ tiên tiến; đến năm 2030 là 55-60%.

III- Các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư đến năm 2030

1. Giải pháp về chỉ đạo điều hành

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp; các sở, cơ quan, địa phương trong tỉnh phối hợp chặt chẽ trong hoạt động của doanh nghiệp từ khâu chấp thuận đầu tư, sản xuất, thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Thực hiện quản lý chặt chẽ, kiên quyết trong việc yêu cầu nhà đầu tư thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước, bảo đảm chế độ tiền lương, bảo hiểm, an toàn lao động đối với công nhân.

Nâng cao tính năng động, tiên phong, quyết tâm của lãnh đạo các cấp, các ngành và nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư; chuyển từ duy “*” cho phép ”*”, “*cấp phép*” sang tư duy “*phục vụ*”.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở, đặc biệt người đứng đầu phải ý thức sâu sắc vai trò tiên phong trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, năng động, gương mẫu thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, nói đi đôi với làm; không ngừng đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tạo niềm tin của doanh nghiệp vào sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước.

Các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực thi công vụ. Xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện. Người đứng đầu các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị phải tăng cường chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong

thực hiện nhiệm vụ; chịu trách nhiệm trước tiên và nặng hơn nếu cán bộ thuộc quyền quản lý gây khó khăn phiền hà, nhũng nhiễu,... để xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, tạo niềm tin của doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Xây dựng quy định về phân cấp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; quy định trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị; thành lập và duy trì nền nếp Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Lãnh đạo tỉnh tiếp tục duy trì và đổi mới nội dung các hội nghị gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp định kỳ hàng quý và các buổi cafe doanh nhân để nghe phản ánh và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp.

2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư

Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển các khu du lịch, điểm du lịch và phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh; tiếp tục nghiên cứu ban hành chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập tỉnh; chính sách khuyến khích đầu tư các dự án trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách: Cơ chế, chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo chuỗi liên kết ...; cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, giảng viên cao đẳng, bác sỹ giỏi, nhân lực khoa học - công nghệ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực.

Xây dựng Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà ở xã hội không sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quy định một số nội dung về quản lý và trình tự thực hiện đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư không sử dụng vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện việc lựa chọn được các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm; công khai, minh bạch và hiệu quả kinh tế, trong đó chú trọng đến công tác đầu giá quyền sử dụng đất và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

3. Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư

Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phục vụ thu hút đầu tư của tỉnh, cụ thể:

- *Về hạ tầng giao thông*: Tiếp tục quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông, theo hướng đồng bộ, hiện đại; trọng tâm là các tuyến đường tạo không gian phát triển mới về công nghiệp, dịch vụ.

- *Về hạ tầng các khu công nghiệp*: Đôn đốc các nhà đầu tư tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp đang hoạt động, đặc biệt là hạ tầng các KCN: Quang Châu, Hòa Phú, Việt Hàn; lựa chọn các nhà đầu tư đầu tư có năng lực, kinh nghiệm xây dựng và kinh doanh hạ tầng các KCN. Từ nay đến năm 2030 thực hiện bổ sung quy hoạch thêm 23 KCN với tổng diện tích khoảng 5.834 ha để đáp ứng nhu cầu phát triển trong những năm tiếp theo, nâng tổng số KCN đến năm 2030 thành 29 KCN với tổng diện tích khoảng 7.840 ha.

Thực hiện thâm định, xem xét chấp thuận đầu tư một cách thận trọng đối với các nhà đầu tư hạ tầng các KCN để lựa chọn được các nhà đầu tư thực sự có năng lực, kinh nghiệm (cả năng lực tài chính và năng lực xúc tiến đầu tư) để triển khai xây dựng đồng bộ hạ tầng các KCN.

- *Về hạ tầng các cụm công nghiệp*: Nghiên cứu thành lập bổ sung các CCN tại các huyện, thành phố tạo quỹ đất cho phát triển công nghiệp trong tương lai. Từ nay đến năm 2030, giữ nguyên diện tích 34 CCN đã thành lập với diện tích 1.263ha; mở rộng diện tích 03 CCN hiện có với diện tích sau mở rộng là 225ha (bao gồm các CCN: Yên Lư, Việt Tiến, Thanh Vân); quy hoạch mới 28 CCN với diện tích 1.676 ha.

Kêu gọi và lựa chọn các nhà đầu tư thực sự có năng lực, kinh nghiệm để đầu tư hạ tầng các CCN, trong đó chú trọng đầu tư đồng bộ hạ tầng các CCN. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước hoàn thiện hạ tầng thiết yếu (giao thông, xử lý nước thải, rác thải) đối với các CCN trước đây do nhà nước đầu tư hạ tầng, không đủ điều kiện mở rộng để thu hút các nhà đầu tư hạ tầng; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các CCN đã có chủ đầu tư hạ tầng để tạo quỹ đất thu hút đầu tư.

- *Cấp điện*: Thực hiện đầu tư xây dựng mới các trạm: Trạm 110kV Nam thành phố Bắc Giang; trạm 110kV Lục Ngạn 2; trạm 110kV Tân Yên; trạm 110kV Yên Dũng để cấp điện cho các khu vực; đầu tư nâng cấp mở rộng 2 trạm: Trạm 110kV Vân Trung và trạm 110kV Quang Châu để cung cấp điện cho các khu công nghiệp.

- *Hạ tầng xã hội quanh các khu công nghiệp*: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhà ở xã hội cho công nhân đã được chấp thuận đầu tư; tiếp tục rà soát, quy hoạch các vị trí xây dựng nhà ở công nhân phục vụ các khu công nghiệp trên địa bàn để kêu gọi, lựa chọn các nhà đầu tư triển khai xây dựng. Rà soát, bố trí điểm tập kết thu gom rác thải xung quanh các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hợp lý, tăng cường đầu tư các xe thu gom, vận chuyển rác thải. Nghiên cứu các vị trí phù hợp cạnh các KCN để thành lập một số khu chợ bán theo giờ nhất định để phục vụ nhu cầu của công nhân KCN. Thực hiện các biện pháp để đảm bảo an ninh trật tự tại các khu vực đông công nhân sinh sống.

- *Hạ tầng khác*: Quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại, hạ tầng xã hội quanh các khu công nghiệp (chợ, trường học, nhà ở công nhân); đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu đô thị tại thành phố Bắc Giang và tại các huyện; triển khai thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh, các dự án cảng thủy nội địa, các khu du lịch nhằm hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ thu hút đầu tư.

Phát triển đô thị theo hướng mở rộng, sáp nhập một số đô thị hiện có, thành lập một số đô thị mới; phát triển đô thị tại các trung tâm phát triển công nghiệp theo quy hoạch. Đến năm 2030, toàn tỉnh có 32 đô thị, trong đó có 01 đô thị loại I (thành phố Bắc Giang); 01 đô thị loại III (thị xã Việt Yên); 04 đô thị loại IV (gồm: Thị xã Hiệp Hòa, thị trấn Chũ, thị trấn Đồi Ngô và thị trấn Vôi); 26 đô thị loại V, trong đó có 17 đô thị thành lập mới gồm.

Phát triển hệ sinh thái hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh: Khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng khách sạn tiêu chuẩn quốc tế 4-5 sao ở

thành phố Bắc Giang; các dự án xây dựng khu du lịch, nghỉ dưỡng trên địa bàn tỉnh; các dự án xây dựng cơ sở y tế, giáo dục, đào tạo ngoại ngữ ở thành phố Bắc Giang và xung quanh các KCN.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

4.1. Về cải cách thủ tục hành chính

Hằng năm, xây dựng kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang, đảm bảo toàn diện, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, nâng cao trách nhiệm giải trình, từng bước hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, lấy người dân làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

Định kỳ hằng năm, tiến hành rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, hết hiệu lực, không còn phù hợp để kiến nghị với UBND tỉnh điều chỉnh, bãi bỏ. Đồng thời, rà soát, đơn giản hóa quy định thủ tục hành chính (TTHC), loại bỏ thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Giang, bộ phận một cửa cấp huyện, cấp xã. Trong đó, tập trung trang bị thiết bị công nghệ hỗ trợ hoạt động; phát huy hiệu quả của phần mềm một cửa; công khai kết quả, quy trình giải quyết trên mạng Internet; đẩy nhanh chuyển đổi việc giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích.

Tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, CCVC làm việc tại bộ phận một cửa các cấp và tại các phòng, ban, đơn vị thường xuyên tiếp xúc, giải quyết công việc với doanh nghiệp, người dân; ưu tiên bố trí cán bộ, CCVC có năng lực, trình độ, tinh thần trách nhiệm, kỹ năng giao tiếp tốt, đồng thời, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và quan tâm khi xem xét quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm đối với cán bộ, công chức đã có thời gian công tác tại bộ phận một cửa, hoàn thành tốt nhiệm vụ, được doanh nghiệp, người dân ghi nhận, đánh giá tốt.

Các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện công khai số điện thoại của người có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp biết, liên hệ công tác và giám sát thực hiện. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các sở, ngành; hằng tháng, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh các đơn vị có nhiều hồ sơ trả lại, bổ sung, xin rút hoặc chậm, muộn.

Nghiên cứu kết nối các phần mềm một cửa điện tử của tất cả các cơ quan từ tỉnh đến xã đảm bảo tính liên thông trong giải quyết các thủ tục hành chính; triển khai xây dựng Dự án xây dựng khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, giải quyết tốt hơn các công việc có liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

Định kỳ hằng năm thực hiện khảo sát, đánh giá của các doanh nghiệp và

nhà đầu tư đối với các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp và nhà đầu tư, coi đó như một tiêu chí để đánh giá xếp loại người đứng đầu hằng năm.

Tiếp tục triển khai thực hiện giải quyết TTHC theo nguyên tắc 5 tại chỗ “Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu, trả kết quả ngay” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với một số lĩnh vực; tiếp tục triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các cơ quan có liên quan nghiên cứu triển khai thực hiện việc đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành, huyện và thành phố (DDCI) hằng năm.

4.2. Về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ kết quả PCI công bố hằng năm thực hiện việc rà soát toàn bộ các chỉ số thành phần của chỉ số PCI để có các giải pháp khắc phục những tồn tại, yếu kém, đặc biệt là các chỉ số có điểm số thấp hơn mức bình quân của cả nước và cải thiện điểm số của 04 chỉ số thành phần trọng số cao và trung bình có ảnh hưởng lớn đến tổng điểm PCI gồm: Tính minh bạch, Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, Đào tạo lao động, Chi phí không chính thức.

Lãnh đạo UBND tỉnh, người đứng đầu sở, ngành và UBND huyện/thành phố phải ý thức sâu sắc vai trò tiên phong trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; năng động, gương mẫu thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, nói đi đôi với làm; không ngừng đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tạo niềm tin của doanh nghiệp vào thiết chế pháp lý địa phương. Đề cao trách nhiệm, sự quyết đoán, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, chủ động phối hợp trong hỗ trợ, giải quyết khó khăn, vướng mắc, kiến nghị và đồng hành cùng doanh nghiệp; thấy được vai trò động lực và quan tâm hơn nữa phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện/thành phố đảm nhiệm các lĩnh vực, ngành, nghề phải chuyển đổi theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Các sở có liên quan như: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương xây dựng và thực hiện tốt các chương trình trợ giúp doanh nghiệp trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư, kinh doanh; đổi mới công nghệ, xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Hướng dẫn doanh nghiệp hiểu rõ hơn về các quy định của pháp luật, các cơ chế chính sách của Trung ương và của tỉnh ban hành. Tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp về những chính sách hỗ trợ của Nhà nước, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận, thụ hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ.

Thực hiện nghiêm túc quy định về công tác thanh tra, kiểm tra. Tránh thanh tra chồng chéo, kéo dài thời gian thanh tra. Không thanh tra doanh nghiệp quá 1 lần/năm theo chỉ thị 20/CT-TTg ngày 19/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp

Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý về phát triển nguồn nhân lực, có chính sách việc làm, thu nhập và các điều kiện sinh sống, định cư, chú ý các chính sách đối với bộ phận nhân lực chất lượng cao, nhân tài làm việc tại tỉnh.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng mở, hội nhập, xây dựng xã hội học tập, phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân và Kế hoạch đào tạo nghề và các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua đào tạo nghề giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch lao động sang các ngành kinh tế có giá trị gia tăng cao, trong đó ưu tiên tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực và phát triển doanh nghiệp ở khu vực nông thôn nhằm chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động.

Tổ chức triển khai hiệu quả Luật Giáo dục nghề nghiệp. Rà soát quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới giáo dục nghề nghiệp, gắn quy hoạch phát triển nguồn nhân lực với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và địa phương. Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, huy động các doanh nghiệp tham gia dạy nghề;

Triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động trên địa bàn tỉnh, từng bước đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động của Cộng đồng Kinh tế ASEAN. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức của xã hội về học nghề, lập nghiệp.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh việc liên kết đào tạo với các doanh nghiệp; khuyến khích phát triển cơ sở đào tạo tại doanh nghiệp, các hoạt động đào tạo nghề tại dây chuyền sản xuất của doanh nghiệp, đảm bảo trang bị cho người lao động những kỹ năng mà doanh nghiệp cần đồng thời nâng cao năng lực công nghệ cho chính doanh nghiệp. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản của tỉnh về phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Triển khai thực hiện Đề án phát triển trường Cao đẳng Ngô Gia Tự đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030; hợp tác, liên kết với các trường đại học để xây dựng các cơ sở mới tại tỉnh, trong đó chú trọng các trường kỹ thuật đào tạo kỹ sư phần mềm, công nghệ cao. Khuyến khích trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn mở rộng quy mô cơ sở, số lượng sinh viên, phát triển chương trình đào tạo sang các lĩnh vực công nghệ mới của công nghiệp 4.0.

3.6. Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác vận động, xúc tiến đầu tư và thu hút chọn lọc các dự án đầu tư

Nghiên cứu đổi mới cách thức hoạt động của cơ quan xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, đa dạng các hình thức xúc tiến đầu tư. Chuyển từ thu hút

đầu tư bị động sang thu hút đầu tư chủ động và có chọn lọc các dự án đầu tư. Tăng cường sự phối hợp, liên kết với các cơ quan Trung ương, các tỉnh bạn, giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội trong công tác xúc tiến đầu tư.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về các tập đoàn đa quốc gia để nghiên cứu cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh nhằm thu hút các nhà đầu tư đến đầu tư gắn với việc thành lập các trung tâm nghiên cứu và sáng tạo tại tỉnh. Triển khai xúc tiến đầu tư có mục tiêu theo hướng đa dạng hóa các hoạt động và phương thức xúc tiến đầu tư; chú trọng xúc tiến đầu tư tại chỗ. Lập danh sách các tập đoàn lớn đã thực hiện đầu tư và chưa đầu tư tại Bắc Giang để lãnh đạo tỉnh bố trí làm việc và mời gọi đầu tư trong thời gian tới.

Chủ động tiếp xúc, tìm hiểu, gỡ gỡ với các đại sứ quán, thương vụ của nước ngoài ở Việt Nam, hoặc trực tiếp liên hệ với các tập đoàn đa quốc gia lớn; hoặc liên hệ với các đại sứ quán, thương vụ, đại diện đầu tư của Việt Nam ở nước ngoài để nhờ quảng bá hình ảnh của tỉnh. Tranh thủ có hiệu quả sự hỗ trợ của các bộ, ngành trung ương trong công tác thu hút đầu tư, tìm kiếm, thiết lập và xây dựng mối quan hệ hợp tác với các cơ quan ngoại giao, thương mại, đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các văn phòng đại diện của các tập đoàn và tổ chức kinh tế lớn tại Việt Nam.

Chủ động phối hợp với các đài truyền hình Trung ương để định kỳ xây dựng phóng sự giới thiệu chuyên sâu về tiềm năng, thế mạnh và cơ hội đầu tư vào các lĩnh vực tỉnh ưu tiên thu hút đầu tư.

Bố trí, sắp xếp đội ngũ làm xúc tiến đầu tư có năng lực và trình độ đáp ứng được yêu cầu công việc, có trình độ ngoại ngữ, kỹ năng làm việc với các nhà đầu tư; trong đó, chú trọng sắp xếp những cán bộ có năng lực, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn, có khả năng làm việc độc lập bằng ngôn ngữ nước ngoài nhằm đảm bảo khả năng chủ động làm việc và hỗ trợ liên tục các nhà đầu tư.

7. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư trên địa bàn; chủ động hỗ trợ các nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

7.1. Về quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư

Tăng cường phân công, phân cấp, tăng cường trách nhiệm của chính quyền cấp cơ sở (cấp huyện, cấp xã) đối với công tác quản lý, theo dõi các dự án đầu tư trên địa bàn; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm (cả cơ quan quản lý nhà nước và nhà đầu tư).

UBND các huyện, thành phố thực hiện giao trách nhiệm cụ thể cho các phòng, đơn vị chuyên môn trong việc kiểm tra, theo dõi các dự án được chấp thuận đầu tư trên địa bàn; định kỳ hằng quý rà soát báo cáo với UBND tỉnh các dự án chậm đầu tư, không đầu tư để có giải pháp xử lý kịp thời. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các huyện, thành phố trong việc theo dõi, kiểm tra, xử lý các sai phạm của các nhà đầu tư.

Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn nhằm tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư, đồng thời kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm, thu hồi các dự án của các nhà đầu tư chậm triển khai, không đầu tư.

Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra đối với các dự án đầu tư trên các lĩnh vực, chú trọng kiểm tra các sai phạm của các nhà đầu tư, xử lý nghiêm các sai phạm, khắc phục tình trạng phạt cho tồn tại.

7.2. Về hỗ trợ các nhà đầu tư giải quyết các khó khăn, vướng mắc

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công tác tiếp nhận và xử lý thông tin, phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư về khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Duy trì và đổi mới nội dung các hội nghị gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp định kỳ hàng quý và các buổi cafe doanh nhân để nghe phản ánh và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp (tổ chức theo chuyên đề). Nghiêm túc giải quyết các phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp; nâng cao chất lượng công tác đối thoại với doanh nghiệp, giải quyết thực chất, dứt điểm các vướng mắc của doanh nghiệp, công khai kết quả và theo dõi, giám sát chặt chẽ quá trình giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp.

Định kỳ thực hiện khảo sát nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp, nhà đầu tư; cải cách thủ tục cho vay, thế chấp tài sản vay vốn; hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của Chính phủ; thực hiện hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 07/11/2019 của HĐND tỉnh Quy định cơ chế, chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2019-2025.

Thực hiện chế độ công khai, minh bạch trong giải quyết các công việc có liên quan tới doanh nghiệp, nhà đầu tư của các cơ quan quan, địa phương, đơn vị như: Kết quả giải quyết thủ tục hành chính; giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư; kết quả thanh tra, kiểm công vụ, kết quả đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với các cơ quan nhà nước; ...

8. Thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp an toàn trước nguy cơ lây nhiễm dịch Covid-19

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kết luận 372-TB/TU ngày 26/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Xác định phòng chống, dịch Covid-19 là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu cần tập trung cao, thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp để chủ động kiểm soát tình hình dịch bệnh, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp an toàn trước nguy cơ lây nhiễm. Các sở, ngành, địa phương chủ động có phương án, kịch bản và sẵn sàng kích hoạt các biện pháp phòng, chống dịch theo từng trạng thái; tuyệt đối không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

Tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách hỗ trợ, khắc phục khó khăn do dịch Covid-19, giúp các doanh nghiệp khắc phục khó khăn, yên tâm đầu tư sản

xuất kinh doanh, đặc biệt các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất; chính sách gia hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất; chính sách miễn giảm thuế, tiền chậm nộp; ...

9. Tăng cường công tác phổ biến, thông tin tuyên truyền

Các phương tiện thông tin đại chúng và các cơ quan có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về môi trường đầu tư, kinh doanh, các chủ trương, chính sách của tỉnh đến tất cả các cán bộ thuộc các cấp, các ngành và cả cộng đồng các doanh nghiệp tạo sự đồng thuận, nhận thức chung về chủ trương nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư của tỉnh.

Các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao định kỳ phối hợp với các Đài truyền hình Trung ương thực hiện các phóng sự chuyên đề, chuyên sâu tuyên truyền về môi trường đầu tư kinh doanh, tiềm năng, thế mạnh để quảng bá, giới thiệu hình ảnh của tỉnh tới các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên xây dựng chuyên mục, chuyên đề về cải cách thủ tục hành chính, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và các chuyên mục khác; kịp thời biểu dương những đơn vị làm tốt trong công tác thu hút đầu tư, phê phán những cơ quan, đơn vị, cá nhân gây phiền hà, những nhiễu đối với các nhà đầu tư. Các ngành, các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tuyên truyền thực hiện cung cấp thông tin, xây dựng nội dung tuyên truyền cho sát với tình hình thực tiễn.

UBND các huyện, thành phố cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền đối với cán bộ và nhân dân về chủ trương, chính sách của tỉnh về nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư tạo sự đồng thuận của người dân về chủ trương thu hồi đất cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(Có Đề án chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc sở, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, TH;
 - + KGVX, KTTH, NC, TTTT;
 - + Công TTĐT tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.^{Nhân}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương